

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH ĐỀN THÁNG 6 NĂM 2025
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT- BGDĐT

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán giao năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
Dự toán năm trước chuyển sang	0	
Dự toán giao	32.667.270.000	
Dự toán bổ sung	0	
Dự toán thu	32.667.270.000	
Tổng chi (I+II)		
I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ		14.459.097.315
Tiền lương		5.607.972.450
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		168.556.640
Phụ cấp lương		6.644.760.899
Các khoản đóng góp		1.551.910.753
Thanh toán dịch vụ công cộng		164.105.438
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		31.140.285
Công tác phí		52.647.000
Chi phí thuê mướn		13.426.000
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		27.885.000



Vật tư văn phòng		23.239.100
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		86.212.650
Tài sản và thiết bị văn phòng		21.000.000
Chi công tác Đảng		11.698.000
Chi khác		54.543.100
II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		4.785.767.000
Học bổng học sinh		4.423.302.000
Công tác phí		83.040.000
Chi phí thuê mướn		70.440.000
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		136.985.000
Chi khác (tiền tết)		72.000.000

2. Các khoản thu, chi năm học 2024-2025

Nội dung thu	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1. Thu học phí. (70.000đ/tháng x 9 tháng)	859.937.695		
-Tồn đầu năm	231.827.695		
-Thu năm học 2024-2025	628.110.000		
Chi đến tháng 6/2025		697.495.435	
Tồn			162.442.260
2. Thu Dạy thêm – học thêm	894.668.912		
-Tồn đầu năm	85.754.912		
-Thu năm học 2024-2025	808.914.000		
Chi dạy thêm – học thêm (đến tháng 6/2025)		894.668.912	
+Chi sửa chữa cơ sở vật chất, tiền điện		68.173.632	
+Chi GV dạy 80%		338.500.000	
+Trả tiền học sinh giỏi QG, tiền thừa năm học 2024-2025		457.161.400	
+Chi 5% quản lý		16.000.000	
+ Nộp 2% thuế TNDN		14.833.880	

Tồn dạy thêm – học thêm			0
3. Thu hỗ trợ hoạt động giáo dục vệ sinh trường lớp. (162.000đ/hs/9 tháng)	173.391.838		
-Tồn đầu năm	18.681.838		
-Thu năm học 2024-2025	154.710.000		
Chi hỗ trợ hoạt động giáo dục vệ sinh trường lớp. (đến tháng 6/2025)		153.149.272	
-Chi quét dọn vệ sinh từ tháng 9/2024 đến tháng 6/2025		96.000.000	
-Chi mua dụng cụ vệ sinh		7.327.000	
-Chi thu gom rác thải		20.103.272	
-Chi mua nước rửa tay học sinh		816.000	
-Chi hỗ trợ các hoạt động, tham gia các kỳ thi, khen thưởng		28.903.000	
Tồn hỗ trợ hoạt động giáo dục vệ sinh trường lớp			20.242.566
4. Thu học sinh ở nội trú. (200.000đ/tháng/hs)	237.600.000		
-Tồn đầu năm	0		
-Thu năm học 2024-2025	237.600.000		
Chi ở nội trú. (đến tháng 6/2025)		193.532.179	
-Chi tiền nước máy		1.025.143	
-Chi tiền điện thắp sáng		2.765.000	
-Chi làm vệ sinh khu nội trú		54.000.000	
-Chi sửa điện, nước, lắp đặt camera, cước Internet,...		20.688.036	
-Chi quản lý, trực đêm khu nội trú		112.906.000	
-Chi nộp 2% thuế		2.148.000	
Tồn			44.067.821
5. Số liên lạc điện tử, điểm danh. (100.000đ/hs/năm)			
Thu SLLĐT	99.900.000		
-Nộp VNPT		99.900.000	
Tồn			0



6. Thu Bảo hiểm Y tế. (884.520đ/hs/năm)			
Thu BHYT	791.719.110		
Nộp BHYT		791.719.110	
Tồn			0
7. Thu Bảo hiểm thân thể. (150.000đ/hs/năm)			
Thu BHTT	140.400.000		
Nộp BHTT		140.400.000	
Tồn			0

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024 – 2025.

Không có

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng ngày 30/6/2025

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư dự toán kho bạc	Đồng	13.422.405.685	Gồm các nguồn
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	321.783.948	Gồm các loại quỹ

5. Công khai số dư các loại quỹ tại kho bạc ngày 30/6/2025:

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Đồng	838.807	
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	17.935.134	
3	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	69.998.154	
4	Quỹ khen thưởng	Đồng	38.693.363	



HIỆU TRƯỞNG

NGÔ KHẮC ĐỨC